TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TD** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2018/KDTM - ST Ngày 30 tháng 10 năm 2018 V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Thành Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Mạnh Quỳnh

2. Bà Lê Thị Chiên

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Song Lưu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Phương - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2018/TLST-KDTM ngày 10 tháng 5 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST- KDTM ngày 27 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP

Địa chỉ: Số 108, T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông NVT - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP, vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền:

- Bà HLH - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP - Chi nhánh X. Vắng mặt

- Ông HNH - Cán bộ xử lý nợ phòng Tổng hợp Ngân hàng TMCP, có mặt.

2. Bị đơn: Anh LVH, sinh năm 1986, có mặt.

Chị DTN, sinh năm 1988, vắng mặt.

Đều cư trú tại: thôn XH, xã M, huyện TD, Vĩnh Phúc.

Người địa diện theo ủy quyền của chị Năm: Anh LVH (theo văn bản ủy quyền ngày 22/5/2018)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị LTM, sinh năm 1990, vắng mặt

Nơi cư trú: thôn L xã M, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc

- Bà TTB, sinh năm 1965, vắng mặt
- Chị LTP1, sinh năm 1988, vắng mặt
- Anh TVV, sinh năm 1982, vắng mặt

Nơi cư trú: thôn L, xã M, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc

Người địa diện theo ủy quyền của chị M, bà B, chị P, anh V: Anh LVH, sinh năm 1986, có mặt.

Nơi cư trú: thôn XH, xã M, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc

- Cụ LVT1, sinh năm 1935, vắng mặt
- Ông LVN1, sinh năm 1956, vắng mặt
- Ông LVH1, sinh năm 1958, vắng mặt
- Ông LVT2, sinh năm 1964, vắng mặt
- Ông LVB, sinh năm 1968, vắng mặt
- Ông LVC, sinh năm 1970, vắng mặt
- Ông LVT3, sinh năm 1976, vắng mặt

Đều cư trú tại: thôn X, xã M, huyện TD, Vĩnh Phúc.

- Bà LTS, sinh năm 1966, vắng mặt

Nơi cư trú tại: thôn P, xã M, huyện TD, Vĩnh Phúc.

- Bà LTT2, sinh năm 1962, vắng mặt

Đều cư trú tại: thôn Y, xã YD, huyện TD, Vĩnh Phúc.

- Bà LTT3, sinh năm 1968, vắng mặt

Nơi cư trú: thôn B, xã HC, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc

- Bà LTM2, sinh năm 1972, vắng mặt

Nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện BX, Vĩnh Phúc.

- Bà LTM3, sinh năm 1974, vắng mặt

Nơi cư trú: thôn BT, xã HC, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 2 năm 2018 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên toà, đại diện của ngân hàng TMCP trình bày:

Ngày 15/10/2015 vợ chồng anh LVH và chị DTN đã ký kết với Ngân hàng TMCP (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng tín dụng số 15.25.0115/2015-HĐTD/NHCT262. Nội dung cơ bản của hợp đồng như sau:

Ngân hàng có cho vợ chồng anh H vay số tiền là 350.000.000 đồng, mục đích vay là để kinh doanh thiết bị điện nước, điện dân dụng với thời gian là 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9%/01 năm (lãi suất sẽ được điều chỉnh hàng tháng căn cứ theo quy định về lãi suất vay của ngân hàng nhà nước Việt Nam), việc trả tiền lãi được ấn định vào ngày 15 hàng tháng. Việc thanh toán khoản nợ trên được thực hiện theo phương thức trả một lần có nghĩa là đến ngày cuối cùng của thời hạn 12 tháng kể từ ngày giải

ngân, anh H phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ tiền gốc và tiền lãi theo quy định.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu vợ chồng anh H vi phạm các nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng (chậm thanh toán các khoản gốc và lãi theo thời hạn cam kết) thì Ngân hàng có quyền đơn phương khởi kiện vợ chồng anh H tại Tòa án các cấp để thu hồi khoản tiền đã vay trước thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng.

Để bảo đảm cho khoản vay, ông LVC (bố đẻ anh H) đã thế chấp quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, cụ thể tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 14.25.0091/HĐTC ngày 08/10/2014 đã ký kết giữa Ngân hàng với hộ ông LVC với nội dung:

Ông LVC thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số số 37, tờ bản đồ số 3; địa chỉ: thôn XH, xã MQ, huyện TD (đất được UBND huyện BX cấp GCNQSDĐ ngày 18/12/2002 mang tên hộ LVC). Hiện nay, theo quy định chung của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên đã được cấp lại. Theo đó thửa đất có số thửa 547 tờ bản đồ 20, diện tích 552,9m2 (trong đó có 389m2 đất ở và 163,9m2 đất vườn), vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN:CS 01045 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 25/4/2017.

Ngày 14/10/2017 ông LVC chết, quyền và nghĩa vụ được chuyển cho những người thừa kế gồm: Bà TTB (vợ ông C), anh LVH (con trai ông C), chị LTP, chị LTM (con gái ông C) và bố mẹ ông C là cụ LVT và cụ BTS. Sau đó mẹ ông C là cụ S cũng chết nên một phần quyền và nghĩa vụ chuyển giao cho các con và chồng là: Cụ LVT, ông LVN, ông LVH1, ông LVT1, ông LVB, ông LVC1, ông LHT1, bà LTS, bà LTT1, bà LTT2, bà LTM, bà LTM1.

Sau khi ký kết các hợp đồng trên, Ngân hàng đã chuyển cho vợ chồng ông H số tiền 350.000.000đ theo đúng cam kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, vợ chồng anh H đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc 41.000.000đ và tiền lãi đến hết ngày 14/10/2016. Từ đó đến nay Ngân hàng rất nhiều lần đôn đốc nhưng vợ chồng anh H vẫn không thanh toán thêm khoản tiền nào nữa. Việc làm trên của vợ chồng anh H đã vi phạm vào điều khoản thực hiện nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng. Hiện nay vợ chồng anh H còn nợ của Ngân hàng các khoản như sau: Tiền nợ gốc là 309.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 66.655.167đ và lãi phạt quá hạn 27.603.535đ (tính đến hết ngày 29/10/2018). Tổng cộng là 403.258.702đ.

Tại tòa hôm nay, Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân huyện TD buộc vợ chồng anh chị H,N phải trả cho Ngân hàng như sau:

Số tiền gốc phải thanh toán:

Ngày 25/11/2018 thanh toán 10.000.000đ;

Ngày 25/12/2018 thanh toán 10.000.000đ;

Ngày 25/01/2019 thanh toán 10.000.000đ;

Ngày 25/02/2019 thanh toán 10.000.000đ;

Ngày 25/03/2019 thanh toán 10.000.000đ;

Ngày 25/04/2019 thanh toán 10.000.000đ;

Ngày 25/05/2019 thanh toán 10.000.000đ;

Ngày 25/06/2019 thanh toán 10.000.000đ;

Ngày 25/07/2019 thanh toán 10.000.000đ;

Ngày 25/08/2019 thanh toán 10.000.000đ;

Ngày 25/09/2019 thanh toán 209.000.000đ.

Số tiền lãi phải thanh toán:

Ngày 25/10/2019 thanh toán số tiền lãi (tính đến hết ngày 29/10/2018) là: 94.258.702đ và số tiền lãi phát sinh chưa thanh toán.

Nếu vợ chồng anh chị H,N thực hiện trả nợ theo đúng thời hạn đã cam kết thì Ngân hàng sẽ xem xét việc miễn, giảm tiền lãi cho anh chị H,N.

Từ ngày 30/10/2018 tiếp tục áp dụng mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 15.25.0115/2015-HĐTD/NHCT262 ngày 15/10/2015 đã ký kết giữa vợ chồng anh chị H,N đối với các khoản nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán đủ.

Nếu đến bất kỳ thời hạn thỏa thuận nào nêu trên mà vợ chồng anh chị H,N vi phạm thời hạn, số tiền phải thanh toán thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm như đã trình bày ở trên, để thu hồi toàn bộ khoản nợ nêu trên (bao gồm cả các khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 30/10/2018). Nếu sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ tiền để thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì anh H, N tiếp tục thực hiện nghĩa vụ cho đến khi thanh toán đủ toàn bộ số tiền phải thanh toán.

Về án phí: Đề nghị anh H, N phải chịu án phí theo quy định.

Bị đơn là anh LVH trình bày:

Anh xác nhận toàn bộ lời trình bày của đại diện Ngân hàng. Do nhu cầu vay vốn kinh doanh nên vợ chồng anh có vay của Ngân hàng số tiền 350.000.000đ với lãi suất và các cam kết thỏa thuận như đại diện Ngân hàng trình bày. Nhưng do công việc làm ăn gặp nhiều khó khăn nên vợ chồng anh chưa thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng

Nay Ngân hàng yêu cầu vợ chồng anh trả cho Ngân hàng số tiền gốc và số tiền lãi theo thời hạn như trên, anh đồng ý.

Anh xác nhận gia đình ông LVC có thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm cho khoản vay của anh như đại diện ngân hàng trình bày. Anh cũng đồng ý việc, nếu vợ chồng anh tiếp tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thời hạn nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo đã thế chấp để thu hồi khoản nợ.

Về án phí: Vợ chồng anh xin chịu theo quy định.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: Cụ LVT, bà LTM1, bà LTM2, bà LTT1, bà LTT2 quá trình giải quyết vụ án vắng mặt. Tuy nhiên khi Tòa án đến tận nơi sinh sống, làm việc và lấy lời khai thì đều trình bày: Xác định không liên quan gì đến tài sản, quyền và nghĩa vụ của gia đình ông LVC, LVH. Từ chối mọi quyền và nghĩa vụ.

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: DTN, TTB, TVV, LTM, LTP có giấy ủy quyền tham gia tố tụng cho anh H. Hội đồng xét xử căn cứ lời trình bày của anh H để giải quyết vụ án.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan còn lại là: ông LVN, ông LVH1, ông LVT1, ông LVB, ông LVC1, ông LHT1, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa luôn vắng mặt, mặc dù đã được triệu tập, thông báo hợp lệ. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo luật định.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 715, Điều 716 Bộ luật dân sự 2005; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP; Buộc vợ chồng anh H, N phải trả cho ngân hàng số tiền theo thời hạn đã thỏa thuận tại phiên tòa.

Nếu vợ chồng anh H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nêu trên, thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp để thu hồi nợ.

Về án phí: anh H, chị N phải chịu án phí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời khai của các đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng có đơn khởi kiện anh LVH và chị DTN, hiện có hộ khẩu thường trú tại xã MQ, huyện TD về việc thực hiện hợp đồng tín dụng, vay vốn kinh doanh, cả 02 bên đều có đăng ký kinh doanh. Do vậy, xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông LVN, ông LVH1, ông LVT1, ông LVB, ông LVC1, ông LHT1, bà LTS, bà LTT1, bà LTT2, bà LTM, bà LTM1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt những người này.

Bị đơn là chị DTN; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là: bà TTB, chị LTM, chị LTP, anh TVV vắng mặt nhưng những người này đã ủy quyền cho anh LVH, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ký kết giữa ngân hàng và hộ ông LVC ngày 08/10/2014, nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết.

[2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm, đại diện ngân hàng và bị đơn là anh LVH thỏa thuận được với nhau về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ, cụ thể:

Vợ chồng anh chị H,N phải trả cho Ngân hàng như sau:

Số tiền gốc phải thanh toán:

Ngày 25/11/2018 thanh toán 10.000.000đ;

Ngày 25/12/2018 thanh toán 10.000.000đ;

Ngày 25/01/2019 thanh toán 10.000.000đ;

Ngày 25/02/2019 thanh toán 10.000.000đ;

Ngày 25/03/2019 thanh toán 10.000.000đ;

Ngày 25/04/2019 thanh toán 10.000.000đ;

Ngày 25/05/2019 thanh toán 10.000.000đ;

Ngày 25/06/2019 thanh toán 10.000.000đ;

Ngày 25/07/2019 thanh toán 10.000.000đ;

Ngày 25/08/2019 thanh toán 10.000.000đ;

Ngày 25/09/2019 thanh toán 209.000.000đ.

Số tiền lãi phải thanh toán:

Ngày 25/10/2019 thanh toán số tiền lãi (tính đến hết ngày 29/10/2018) là: 94.258.702đ và số tiền lãi phát sinh chưa thanh toán.

Từ ngày 30/10/2018 tiếp tục áp dụng mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 15.25.0115/2015-HĐTD/NHCT262 ngày 15/10/2015 đã ký kết giữa vợ chồng anh chị H,N đối với các khoản nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán đủ.

Nếu đến bất kỳ thời hạn thỏa thuận nào nêu trên mà vợ chồng anh chị H,N vi phạm thời hạn, số tiền phải thanh toán thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là thửa đất số 547, tờ bản đồ 20, diện tích 552,9m2 (trong đó có 389m2 đất ở và 163,9m2 đất vườn, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp GCNQSDĐ ngày 25/4/2017) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, để thu hồi toàn bộ khoản nợ nêu trên (bao gồm 403.258.702đ và các khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 30/10/2018). Nếu sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ tiền để thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì anh H,N tiếp tục thực hiện nghĩa vụ cho đến khi thanh toán đủ toàn bộ số tiền phải thanh toán.

Việc các bên đương sự thỏa thuận với nhau về giải quyết vụ án là tự nguyện, bảo đảm quyền và lợi ích giữa các bên. Tuy nhiên, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Hội đồng xét xử không ra quyết định công nhận mà cần buộc các bên đương sự phải thực hiện.

[3]Về án phí: Ngân hàng TMCP là nguyên đơn, yêu cầu của ngân hàng được chấp nhận nên không phải chịu án phí sơ thẩm, cần trả lại cho ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh H, N là bị đơn (là vợ chồng), phải liên đới chịu án phí sơ thẩm của số tiền phải trả là: 20.000.000đ + (3.258.702đ x 4% = 130.348đ) = 20.130.348đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 715, Điều 716; Điều 720; Điều 721 l;kl;Bộ luật dân sự 2005; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Buộc anh LVH và chị DTN phải liên đới thanh toán cho ngân hàng TMCP số tiền gốc và tiền lãi theo thời gian cụ thể như sau.

Số tiền gốc phải thanh toán:

Ngày 25/11/2018 thanh toán 10.000.000đ;

Ngày 25/12/2018 thanh toán 10.000.000đ;

Ngày 25/01/2019 thanh toán 10.000.000đ;

Ngày 25/02/2019 thanh toán 10.000.000đ;

Ngày 25/03/2019 thanh toán 10.000.000đ;

Ngày 25/04/2019 thanh toán 10.000.000đ;

Ngày 25/05/2019 thanh toán 10.000.000đ;

Ngày 25/06/2019 thanh toán 10.000.000đ;

Ngày 25/07/2019 thanh toán 10.000.000đ;

Ngày 25/08/2019 thanh toán 10.000.000đ;

Ngày 25/09/2019 thanh toán 209.000.000đ.

Số tiền lãi phải thanh toán:

Ngày 25/10/2019 thanh toán số tiền lãi (tính đến hết ngày 29/10/2018) là: 94.258.702đ và số tiền lãi phát sinh chưa thanh toán.

Từ ngày 30/10/2018 tiếp tục áp dụng mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 15.25.0115/2015-HĐTD/NHCT262 ngày 15/10/2015 đã ký kết giữa vợ chồng anh, chị HN đối với các khoản nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán đủ.

Nếu đến bất kỳ thời hạn thỏa thuận nào nêu trên mà vợ chồng anh chị HN vi phạm thời hạn, số tiền phải thanh toán thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là thửa đất số 547, tờ bản đồ 20, diện tích 552,9m2 (trong đó có 389m2 đất ở và 163,9m2 đất vườn, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp GCNQSDĐ ngày 25/4/2017) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thôn XH, xã MQ, huyện TD, để thu hồi toàn bộ khoản nợ nêu trên (bao gồm 403.258.702đ và các khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 30/10/2018). Nếu sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ tiền để thực hiện

nghĩa vụ thanh toán thì anh H, N tiếp tục thực hiện nghĩa vụ cho đến khi thanh toán đủ toàn bộ số tiền phải thanh toán.

2. *Về án phí*: Trả lại cho Ngân hàng TMCP 7.725.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2016/0003088 ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD.

Anh LVH và chị DTN phải liên đới chịu nộp 20.130.348đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3. Quyết định của bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện TD;*
- *Chi cục THADS huyện TD;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VP, HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đỗ Thành Công